

VỀ THỰC HIỆN “HIẾN CHẾ VỀ PHỤNG VỤ THÁNH” CỦA CÔNG GIÁO Ở VIỆT NAM SAU CÔNG ĐỒNG VATICAN II (1962-1965)

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

Công đồng Vatican II là Công đồng thứ 21 của Giáo hội Công giáo Rôma. Trong số 16 văn kiện của Công đồng, có một văn kiện mà theo chúng tôi là rất đáng quan tâm đó là: *Hiến chế về Phụng vụ Thánh*. Hiến chế gồm 130 khoản và một phụ lục với tựa đề: *Tuyên ngôn của Thánh Công đồng chung Vaticanô II về việc tu chỉnh niên lịch*. Hiến chế được ban bố ngày 4 tháng 12 năm 1963 tại Đền Thánh Phêrô, Rôma với chữ kí của Phaolô Giám mục Giáo hội Công giáo, tiếp theo là chữ kí của các Nghị phụ⁽¹⁾. Có thể nói *Hiến chế về Phụng vụ Thánh* là một trong những văn kiện có tầm quan trọng vào bậc nhất của Công đồng Vatican II không chỉ đối với Giáo hội Rôma nói chung mà còn đối với Giáo hội Công giáo ở Việt Nam, một giáo hội thuộc xứ truyền giáo. Một giáo hội mà trước Công đồng Vatican II, vấn đề phụng vụ được xem là nhập cảng, cứng nhắc và là một trong những nguyên nhân dẫn tới việc truyền bá Công giáo ở Việt Nam kém hiệu quả: “Truyền giáo là đem Tin Mừng của Đức Kitô đến cho chúng ta: Chúng ta rất biết ơn là được đón nhận Tin Mừng. Nhưng truyền giáo như đã được thể hiện ở các thế kỉ XVII-XVIII là đem Tin Mừng đã được hiểu và

sống ở Châu Âu mười mấy thế kỉ trước đó; Tin Mừng ấy hoàn toàn xa lạ với xã hội Việt Nam lúc bấy giờ và làm cho người Việt Nam Công giáo trở thành xa lạ trên quê hương của mình.

Thiết tưởng sai lầm lớn nhất và tai hại nhất trong lịch sử truyền giáo là việc cấm các Kitô hữu theo nghi lễ Đông Phương đã làm cho công cuộc truyền giáo ở Châu Á đình trệ và người Công giáo ở Châu Á gặp khó khăn trong việc hội nhập văn hóa”⁽²⁾.

1. CANH TÂN VÀ THÍCH NGHI - NÉT CHỦ ĐẠO TRONG HIẾN CHẾ VỀ PHỤNG VỤ THÁNH

Nếu như nét chủ đạo của Công đồng Vatican II là canh tân và thích nghi thì có thể nói nét chủ đạo này được thể hiện rõ nét nhất trong *Hiến chế về Phụng vụ Thánh*.

Canh tân Phụng vụ Thánh:

Khoản 21 của Hiến chế quy định phần

*. PGS. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Công đồng Vatican II. *Hiến chế, Sắc lệnh và Tuyên ngôn*, Tủ sách Đại Kết, 1993, tr. 205.

2. Hương Khê. *Tự kiểm và sám hối của Giáo hội Công giáo thế giới và của Giáo hội Công giáo Việt Nam*. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc số 59, tháng 11-1999, tr. 24.

không thể canh tân và phần có thể canh tân của phụng vụ. Phần không thể canh tân hay phần bất biến là phần do Thiên Chúa thiết lập. Phần có thể canh tân là phần mà theo dòng thời gian có những yếu tố ít đáp ứng và ít phù hợp với bản tính thâm sâu của phụng vụ. Khoản này cũng cho biết các vấn đề phải canh tân là: “Phải tu chỉnh các bản văn và các nghi lễ làm sao cho chúng diễn tả rõ ràng hơn những thực tại Thánh mà chúng ta biểu thị, và để Kitô hữu có thể dễ dàng thấu triệt các thực tại ấy càng nhiều càng tốt, cũng như có thể tham dự bằng việc cử hành những nghi lễ ấy cách trọn vẹn, linh động và cộng đồng”.

Một phần quan trọng của canh tân Phụng vụ Thánh chính là canh tân Thánh lễ. Bởi Thánh lễ là trung tâm của Phụng vụ Thánh. Phần này được thể hiện trong Chương II với tựa đề: *Mẫu nhiệm Thánh của Lễ Tạ ơn*. Chương II gồm 12 khoản, từ khoản 47 đến khoản 58. Để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi xin được trích nguyên văn một số khoản mà không có sự bình luận nào, bởi tính sáng rõ của từng khoản.

Khoản (K) 49. Vì vậy, để Hi lễ Thánh lễ ngay cả nghi thức bên ngoài, thu được hiệu năng mục vụ trọn vẹn, Thánh Công đồng quyết định những điều sau đây, về Thánh lễ cử hành có dân chúng tham dự, nhất là vào những ngày Chúa nhật và các ngày lễ buộc.

K50. Phải tu chỉnh Nghi thức Thánh lễ thế nào để biểu lộ rõ ràng hơn ý nghĩa riêng biệt của các phần, cũng như mối tương quan của chúng, đồng thời để việc tham dự thành kính và linh động của tín hữu được dễ dàng hơn.

K51. Để bàn tiệc Lời Chúa phong phú hơn cho các tín hữu, phải mở rộng kho tàng Thánh Kinh hơn để trong một số

năm ấn định, phải đọc cho dân chúng nghe phần quan trọng của Thánh Kinh.

K52. Bài giảng dựa vào Thánh Kinh để trình bày trong suốt năm phụng vụ các mẫu nhiệm của đức tin và những quy tắc của đời sống Kitô giáo rất đáng được coi như một phần chính phụng vụ. Hơn nữa, trong những Thánh lễ được cử hành vào ngày Chúa nhật và lễ buộc có dân chúng tham dự, không được bỏ giảng, nếu không có lý do hệ trọng.

K53. Phải tái lập “lời nguyện chung” hay “lời nguyện giáo dân” sau Phúc âm và bài giảng, nhất là vào những ngày Chúa nhật và lễ buộc, để khi dân chúng tham dự lời nguyện đó, họ cầu khẩn cho Hội thánh, cho các nhà cầm quyền, cho những kẻ khốn khổ vì các nhu cầu khác, cho tất cả mọi người, và cho phần rỗi của toàn thể giới.

K54. Có thể dùng tiếng bản quốc trong những Thánh lễ cử hành có dân chúng tham dự, nhất là trong các bài đọc và “lời nguyện chung”, và tùy theo hoàn cảnh địa phương, cả trong những phần dành cho dân chúng, chiếu theo Khoản 36 của Hiến chế này⁽³⁾.

3. Khoản 36 viết:

§1. Việc dùng tiếng Latinh, trừ luật riêng, phải được duy trì trong các Nghi lễ Latinh.

§2. Tuy nhiên, có thể sinh lợi rất nhiều cho dân chúng nếu dùng tiếng bản quốc hoặc trong Thánh lễ hoặc trong việc cử hành các Bí tích, hoặc trong những phần khác của phụng vụ; cho nên tiếng bản quốc để được chấp thuận, cho sử dụng nhiều hơn nhất là trong các bài đọc và các bài giáo huấn, một số lời nguyện và bài hát, tùy theo những quy tắc được ấn định cho mỗi trường hợp trong những chương sau đây.

§3- Một khi đã tuân giữ các quy tắc đó, việc ấn định sử dụng và cách dùng tiếng bản quốc thuộc thẩm quyền Giáo hội Địa phương như đã nói trong khoản 22§2; nên hội ý với các giám mục trong những miền lân cận nói cùng một thứ tiếng nếu có trường hợp này. Mọi quyết nghị cần phải được Tổng toà chấp thuận hay chuẩn y.

§4- Việc phiên dịch bản văn Latinh ra tiếng bản quốc để dùng trong phụng vụ phải được thẩm quyền Giáo hội địa phương nói trên chuẩn y.

Tuy nhiên, phải dự liệu sao để các Kitô hữu có thể cùng đọc hoặc cùng hát chung, ngay cả bằng La ngữ, các phần dành cho họ trong Thánh lễ. Nhưng ở nơi nào việc dùng tiếng bản quốc rộng rãi hơn trong Thánh lễ được xem là chính đáng, thì phải tuân giữ những điều đã quy định trong Khoản 40 của Hiến chế này⁽⁴⁾:

K55. Rất đáng khuyến khích các tín hữu tham dự Thánh lễ hoàn hảo hơn, bằng cách, sau khi linh mục rước lễ, họ cũng lãnh nhận Mình Chúa trong cùng một Hi lễ đó.

Dù vẫn duy trì các nguyên tắc tín lý do Công đồng Trentô quy định, nhưng có thể cho rước lễ dưới hai hình thức tùy theo phán đoán của các giám mục, chiếu theo những trường hợp được Tổng tòa minh định, không những cho giáo sĩ, tu sĩ mà cả giáo dân nữa. Chẳng hạn, cho các tiến chức trong Thánh lễ phong chức, những người tuyên khấn trong Thánh lễ dòng, và các tân tông trong Thánh lễ tiếp dẫn sau lễ Rửa tội của họ.

K.56. Có thể nói Thánh lễ gồm hai phần, phần Phụng vụ lời Chúa và phần Phụng vụ Thánh thể, được liên kết chặt chẽ đến nỗi chỉ tạo thành một hành vi phụng thờ duy nhất. Do đó, Thánh Công đồng tha thiết khuyên dụ những chủ chăn, khi dạy giáo lý, phải nhiệt thành dạy dỗ các tín hữu biết tham dự trọn vẹn Thánh lễ, nhất là vào những ngày Chúa nhật và các ngày lễ buộc.

Thích nghi Phụng vụ Thánh

Cũng như canh tân Phụng vụ Thánh, thích nghi trong Phụng vụ Thánh cũng có phần không thể thích nghi hay là phải giữ nguyên, đó là “những lĩnh vực liên quan đến đức tin và lợi ích cho toàn thể cộng đoàn”. Ngoài ra, “Giáo hội

không muốn ấn định một hình thức cứng rắn nào, ngay cả trong phụng vụ. Hơn nữa, Giáo hội còn tôn trọng cũng như phát huy những tinh hoa, những đặc tính của dân các nước. Bất cứ những gì trong phong tục, không liên quan mật thiết với dị đoan và lầm lạc, đều được Giáo hội mến phục với thiện cảm, và nếu có thể, còn được bảo tồn trọn vẹn. Hơn nữa, đôi khi những tập tục đó còn được Giáo hội nhận vào trong phụng vụ, miễn sao hòa hợp với những nguyên tắc của tinh thần phụng vụ đích thực và chân chính (K. 37). Miễn sao vẫn duy trì sự đồng nhất cốt yếu của nghi lễ Rôma, những khác biệt chính đáng và những thích nghi theo các cộng đoàn, các miền, các dân tộc, nhất là các xứ truyền giáo đều được chấp nhận cả khi tu chỉnh các sách phụng vụ. Nên để ý đến quy tắc này trong việc ấn định cơ cấu các nghi lễ và thiết lập các quy tắc chỉ đỏ (K. 38).

Như vậy, không chỉ có canh tân trong Thánh lễ, *Hiến chế về Phụng vụ Thánh*, còn mở rộng việc thích nghi trong

4. Khoản 40 viết:

Nhưng vì trong nhiều nơi và trong nhiều hoàn cảnh, phải cấp bách thích nghi phụng vụ sâu xa hơn, và do đó gây nhiều khó khăn hơn, nên:

1. Thẩm quyền Giáo hội Địa phương, như đã nói trong khoản 22§2 phải thận trọng và khôn ngoan nếu xét những yếu tố nào trong lãnh vực này thuộc truyền thống và tâm linh của mỗi dân tộc có thể được chấp nhận thích đáng vào việc phụng thờ Thiên Chúa. Những thích nghi nếu xét là lợi ích hay cần thiết, phải đệ trình lên Tổng tòa để được kết nạp và chuẩn y.

2. Để việc thích nghi được thực hiện với sự thận trọng cần thiết, Tổng tòa sẽ chấp thuận cho Giáo quyền địa phương, nếu có thể ban phép và điều khiển các cuộc thí nghiệm sơ khởi cần thiết, trong vài cộng đoàn thích hợp và trong một thời gian nhất định.

3. Vì luật phụng vụ thường tạo nhiều khó khăn đặc biệt khi thích nghi, nhất là trong các xứ truyền giáo, nên để lập luật này, cần phải có các nhà chuyên môn về phụng vụ.

Thánh lễ, đồng thời còn quy định: “Thẩm quyền Giáo hội Địa phương như đã nói trong khoản 22§2, có quyền xác định những thích nghi, đặc biệt trong việc cử hành các Bí tích, Á bí tích, rước kiệu, ngôn ngữ phụng vụ, thánh nhạc và nghệ thuật (K. 39). Cũng cần thiết trích dẫn ra đây K. 22§2 quy định về Thẩm quyền Giáo hội Địa phương: “Chiều theo quyền hạn do luật ban, việc điều hành phụng vụ trong các giới hạn đã định, cũng tùy thuộc các loại Hội đồng Giám mục khác nhau, được thiết định hợp pháp, có thẩm quyền trong từng địa phương”.

Canh tân và thích nghi có mối quan hệ chặt chẽ, liên hệ bên trong, chiều sâu với nhau. Trong canh tân đã có sự thích nghi, ngược lại sự thích nghi cũng đã làm biến đổi, đó là một phần canh tân.

2. GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM VỚI VIỆC THỰC HIỆN CANH TÂN VÀ THÍCH NGHI PHỤNG VỤ THÁNH

Bối cảnh lịch sử

Công đồng Vatican II, nhóm họp năm 1962 và kết thúc năm 1965. Đây là thời điểm Việt Nam bị tách làm hai miền với hai thể chế chính trị khác biệt. Do điều kiện chính trị-xã hội khác biệt quy định nên Công giáo ở Miền Nam Việt Nam có điều kiện hơn khi tiếp xúc cũng như thực hiện canh tân và thích nghi Phụng vụ Thánh. Để thực hiện tinh thần của Công đồng Vatican II nói chung, đặc biệt là thực hiện *Hiến chế về Phụng vụ Thánh*, một trong những Hiến chế cực kỳ quan trọng có quan hệ đến nhiều vấn đề của đời sống tôn giáo của Công giáo Việt Nam nói riêng, từng giáo phận khó có thể thực hiện được mà đòi hỏi phải có một cấp cao hơn. Đó chính là Hội đồng Giám mục. Vì vậy, mà ở Miền Nam đã thành lập Hội đồng

Giám mục Việt Nam (tên gọi như vậy nhưng trên thực tế, Hội đồng chỉ có vai trò ở Miền Nam, Việt Nam). Hội đồng được Tòa Thánh La Mã phê chuẩn ngày 24/02/1967. Trên thực tế, mãi đến tháng 2 năm 1971, các ủy ban giám mục mới được triển khai và hoàn thành vào tháng 5 năm 1971. Vào thời điểm này, Hội đồng Giám mục Việt Nam (Miền Nam) có 4 ủy ban. Một trong 4 ủy ban là Ủy ban Phụng vụ và Truyền thông với các công việc:

- Phụng vụ
- Thánh nhạc
- Nghệ thuật Công giáo
- Thông tin
- Báo chí
- Truyền thanh
- Truyền hình

Từ đây, việc thực hiện Phụng vụ Thánh đã do một ủy ban chuyên biệt của Hội đồng Giám mục thực hiện. Tuy nhiên, không phải chỉ đến khi ủy ban ra đời thì việc thực hiện phụng vụ theo tinh thần của Công đồng Vatican II mới bắt đầu mà việc thực hiện đã có từ trước đó (vấn đề sẽ được trình bày ở phần sau).

Song do điều kiện lịch sử, nhất là tình hình chính trị-xã hội ở Miền Nam (Việt Nam) từ tháng 5/1971 đến tháng 5/1975 luôn có những biến cố nên việc thực hiện *Hiến chế về Phụng vụ Thánh* của Công giáo ở Miền Nam gặp nhiều khó khăn. Về phía Hội đồng Giám mục Việt Nam (Miền Nam), việc thực hiện đang ở bước đầu, đặc biệt là Hội đồng chưa có được một đường hướng rõ ràng về vấn đề này.

Sau ngày Miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất (30/4/1975) đến trước khi thành lập Hội đồng Giám mục Việt Nam (4/1980) do những điều kiện khác

nhau của Giáo hội Công giáo và điều kiện chính trị- xã hội Việt Nam việc thực hiện *Hiến chế về Phụng vụ Thánh* tiến triển chậm chạp, tùy thuộc vào mỗi giáo phận với vai trò của vị Chủ chăn.

Tháng 4/1980, Hội đồng Giám mục Việt Nam được thành lập. Hội đồng thành lập 3 ủy ban trong đó có Ủy ban Phụng tự, do Giám mục Bùi Tuần (Long Xuyên) làm chủ tịch. Từ Đại hội lần thứ nhất (4/1980) đến Đại hội lần thứ 10 (nhiệm kỳ 2007-2010) Ủy ban Phụng tự vẫn được duy trì dù giám mục chủ tịch Ủy ban có sự thay đổi.

Theo thời gian, trước những đòi hỏi của việc canh tân và thích nghi phụng vụ của Công giáo ở Việt Nam, một số ủy ban của Hội đồng Giám mục Việt Nam tiếp tục được thành lập để đảm trách những công việc chuyên sâu. Đó là các ủy ban:

- Ủy ban Thánh nhạc được thành lập tại Đại hội lần thứ 7 Hội đồng Giám mục Việt Nam (tháng 10/1998). Ủy ban này đến Đại hội lần thứ 8 (9/2001) có sự thay đổi. Ủy ban được gọi là Ủy ban Thánh nhạc và Nghệ thuật Thánh do Giám mục Nguyễn Văn Nho (Nha Trang) làm chủ tịch. Giám mục này qua đời ngày 21/5/2003. Từ tháng 10/2003, Giám mục Tri Bửu Thiên làm chủ tịch nhưng từ thời điểm này Ủy ban Giám mục về Nghệ thuật Thánh được sáp nhập vào Ủy ban Giám mục về Phụng tự, lấy lại tên Ủy ban Giám mục về Thánh nhạc. Và như vậy, đến Đại hội lần thứ 9 (10/2004), Ủy ban Phụng tự có tên: Ủy ban Phụng tự và Nghệ thuật Thánh do Giám mục Trần Đình Tứ làm chủ tịch. Đến Đại hội lần thứ 10 (10/2007), Ủy ban này lại tách ra thành hai: Ủy ban Phụng tự và Ủy ban Nghệ thuật Thánh.

- Ủy ban Giáo lý đức tin được thành lập tại Đại hội lần thứ 8 (9/2001). Ủy ban này duy trì qua Đại hội lần thứ 9 và lần thứ 10.

- Ủy ban Văn hóa được thành lập từ Đại hội lần thứ 8 (9/2001) và được duy trì cho đến Đại hội lần thứ 10.

- Ủy ban Phúc Âm hóa được thành lập tại Đại hội lần thứ 8, duy trì ở Đại hội lần thứ 9.

Đến Đại hội lần thứ 10 có thêm các Ủy ban như Ủy ban Kinh Thánh, Ủy ban Thánh nhạc, và Ủy ban Truyền thông xã hội.

Việc ra đời của các Ủy ban của Hội đồng Giám mục Việt Nam với những hoạt động chuyên sâu đã và đang đem lại những kết quả đáng ghi nhận của hoạt động canh tân và thích nghi *Hiến chế về Phụng vụ Thánh* của Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Tuy nhiên, không phải đến khi các ủy ban ra đời, việc thực hiện, nhất là thực hiện những công việc chuyên sâu, mới tiến hành. Trên thực tế, một số lĩnh vực thuộc về *Hiến chế về Phụng vụ Thánh* đã sớm được triển khai từ phía Giáo hội Địa phương hoặc những tổ chức hay dòng tu Công giáo ở Việt Nam. Để thực hiện tinh thần Công đồng Vatican II, trong đó có *Hiến chế về Phụng vụ Thánh* thì việc đầu tiên phải làm là dịch các văn bản của Công đồng. “Ở Miền Nam Việt Nam trước đây, trong những năm 1966-1967, toàn bộ văn kiện của Vatican II đã được chuyển sang Việt ngữ do Legio Mariae Saigon thực hiện.

Trong những năm 1972-1975, Phân khoa Thần học Giáo hoàng Học viện Thánh Piô X Đà Lạt cũng đã dịch toàn bộ

văn kiện của Công đồng, in thành sáu tập. Ngoài ra, Văn phòng Thanh lao Công Việt Nam cũng đã dịch, giới thiệu và chú giải Sắc lệnh Tông đồ giáo dân (năm 1967) và Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới hôm nay (năm 1969)⁽⁵⁾.

Cũng vào thời điểm trước ngày Miền Nam được giải phóng, ở Giáo phận Sài Gòn, có một số người nghiên cứu và hoạt động trong địa phận trong sinh hoạt “Tôn giáo và văn hóa dân tộc” với danh hiệu thu gọn là THÁI HÒA như chủ trương cởi mở, sâu rộng và toàn diện mà nhóm đề ra⁽⁶⁾ đã đi đầu trong việc tìm hiểu văn hóa dân tộc, đi sâu vào việc biên soạn, tu chỉnh thánh lễ dựa trên tinh thần canh tân và thích nghi của *Hiến chế về Phụng vụ Thánh*. Các công trình nghiên cứu, bài viết... được nhóm tập hợp trong bộ *Đạo nhập thế* Đạo nhập thế gồm 32 tập nhỏ được tập hợp thành 2 tập lớn với tổng cộng 812 trang in Ronéo, khổ lớn. Ngày 12/6/1975, Tổng Giám mục Sài Gòn Nguyễn Văn Bình viết *Thư giới thiệu*. Trong *Thư giới thiệu* có đoạn: “Vậy tôi xin tất cả mọi anh chị em Công giáo thuộc mọi tầng lớp trong các xứ đạo, linh mục, tu sĩ cũng như giáo dân hãy nhiệt liệt hưởng ứng, theo dõi, tìm hiểu để gắng tiến hầu sống đạo một cách sâu xa và vững tin trong lòng dân tộc.

Về những nội dung mà *Đạo nhập thế* đề cập sẽ được chúng tôi bàn tới ở phần sau. Ở đây xin được nói về *Thư giới thiệu* của Tổng Giám mục Sài Gòn Nguyễn Văn Bình. *Thư giới thiệu* cho thấy, Tổng Giám mục là người đi đầu không chỉ với đường hướng “người Công giáo trong lòng dân tộc” mà còn đi đầu trong việc chủ trương và cổ súy “sống đạo một cách sâu xa và vững tin trong lòng dân tộc”. Có thể nói về phía

giáo quyền, Tổng Giám mục là người đầu tiên chủ trương về hai vấn đề quan trọng của Công giáo ở Việt Nam, đó là “Đồng hành cùng dân tộc” và “Sống đạo theo cung cách Việt Nam” điều mà 5 năm sau mới được thể hiện trong *Thư chung 1980* của Hội đồng Giám mục Việt Nam⁽⁷⁾.

Nhóm Thái Hòa trong *Đạo nhập thế* có thể nói là nhóm đi đầu trong việc thực hiện *Hiến chế về Phụng vụ Thánh*. Trước khi bàn, soạn canh tân Thánh lễ, Thái Hòa bàn đến văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của dân tộc Việt Nam. Đây được

5. Công đồng VaticanII. *Hiến chế, Sắc lệnh, và Tuyên ngôn*, Tủ sách Đại kết, 1993, *Lời giới thiệu*, tr. 7.

6. *Thư giới thiệu* của Tổng Giám mục Giáo phận Sài Gòn Nguyễn Văn Bình, ngày 12/6/1975 đăng ở trang đầu của *Đạo nhập thế*, T.1.

7. Để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi xin dẫn toàn văn. *Thư giới thiệu*

Vì là người Công giáo trong lòng Dân tộc, lúc này hơn lúc nào hết, cần chân thành và nỗ lực cộng tác với Chính phủ Cách mạng để tiếp tay xây dựng một nước Việt Nam thống nhất, thanh bình, tự do, không còn cảnh người bóc lột người, mọi người đều hòa mình giúp đỡ nhau, xây dựng cho nhau và sống với nhau như anh em một nhà, nên tôi thiết tha khuyến khích, chấp thuận và giới thiệu một số người nghiên cứu và hoạt động trong Địa phận trong sinh hoạt “Tôn giáo và Văn hóa Dân tộc” với danh hiệu thu gọn là Thái Hòa như chủ trương cởi mở, sâu rộng và toàn diện mà nhóm đã đề ra.

Vậy, tôi xin tất cả mọi anh chị em Công giáo thuộc mọi tầng lớp trong xứ đạo, tu sĩ cũng như giáo dân hãy nhiệt liệt hưởng ứng, theo dõi, tìm hiểu để gắng tiến hầu sống đạo một cách sâu xa và vững tin trong lòng Dân tộc.

Sài Gòn, ngày 12.6.1975^(*)

Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám mục Giáo phận Saigon
(đã ấn kí)

.....
(*) Trong cuốn *Đạo nhập thế* viết là Thành phố Hồ Chí Minh là không chính xác vì lúc này thành phố Sài Gòn chưa đổi tên.

xem như là sự trở về nguồn với văn hóa, tín ngưỡng dân tộc. Những bài viết về vấn đề này được trình bày trong tập I. Ngay ở trang 3 và trang 4, Thái Hòa đã đề ra chương trình 7 điểm dưới tựa đề: *Những việc phải làm* trong đó có mục 6 về phụng vụ và văn hóa dân tộc (tr. 4 và tr. 6). Tiếp sau đó là những bài viết: *Thử tìm hiểu việc thờ phụng tổ tiên và sự thần* (từ tr. 29 đến 37); *Cách dùng trầm hương trong các tôn giáo* (từ tr. 49 đến tr. 54); *Về y phục và cử điệu trong Thánh lễ* (từ tr. 65 đến tr. 77); *Để Phụng vụ Thánh lễ đi sâu vào tâm hồn* (từ tr. 78 đến tr. 82); *Để linh động và cụ thể hóa Kinh cáo mình đầu lễ* (từ tr. 136 đến tr. 141), v.v... Những vấn đề trên là những vấn đề mà Công giáo phải đối diện ngay từ buổi đầu truyền giáo phát triển Công giáo vào Việt Nam. Giờ đây, trước tình thần đổi mới, nó được đặt ra cấp thiết hơn bao giờ hết. Có thể nói, sau 35 năm những vấn đề như hội nhập văn hóa Kitô giáo với văn hóa dân tộc; thờ kính Tổ tiên; thánh lễ đi sâu vào tâm hồn dân tộc vẫn đang được tiếp tục đặt ra cho Giáo hội Công giáo ở Việt Nam với tính thời sự nóng bỏng.

Khác với tập I, tập II tập trung chủ yếu đi sâu vào việc bàn soạn, tu chỉnh, đơn giản hóa các thánh lễ theo tinh thần của các khoản 50, 51, 52, 53 (đã được đề cập ở phần trên). Trình tự thánh lễ mỗi Chủ nhật và ngày lễ trọng được *Đạo nhập thế* đưa ra như sau:

1- Một lược dẫn ngắn nói lên đại ý bài đọc kể cả đáp ca và câu xướng trước Phúc âm. Thường về các mùa, cả 3 bài đọc đều quy về một ý tưởng. Còn các Chúa nhật thường niên, thường chỉ có bài đọc I và bài Tin Mừng liên hệ với nhau. Lược dẫn nói lên viễn tượng xa

rộng của các bài đọc. Ngay đầu buổi lễ, chủ tế lưu ý tín hữu về các bài đọc, và như thế họ sẽ chú ý nghe và hiểu được các bài đọc.

2- Chọn một chủ đề bài giảng cụ thể rút ra từ bài đọc 1 và 2 hoặc bài Tin Mừng, miễn sao cho phù hợp diễn tiến của năm Phụng vụ phù hợp với trình độ tín hữu, tùy theo tuổi tác, hoàn cảnh, cách sống và trình độ văn hóa tôn giáo của họ (*Hiến chế Phụng vụ Thánh*, K. 19).

3- Dọn lời sám hối: Khi đã chọn chủ đề, thì các lời sám hối là phản phản đề, tức là các lỗi lầm, các cách sống đi ngược với chủ đề, tức là đi ngược với Lời Chúa.

4- Bài giảng: Khai triển chủ đề cần đi sát Kinh Thánh, chú giải sát thực và nêu lên phần áp dụng rất thực tế trong cuộc sống.

Về điểm này, *Hiến chế về Phụng vụ Thánh* có ghi rõ: “ Vì bài giảng thuộc phần hoạt động phụng vụ, nên thời gian thích hợp để giảng, theo như nghi lễ cho phép, phải được ghi trong các quy tắc chữ đỏ. Phải hết sức trung thành chu toàn thừa tác vụ giảng dạy đúng nghi lễ. Tiên văn bài giảng phải được lấy từ nguồn Kinh Thánh và Phụng vụ, vì là rao truyền các việc kì diệu của Thiên Chúa trong lịch sử cứu rỗi hay mẫu nhiệm Chúa Kitô. Mẫu nhiệm này bằng hiện diện và tác động trong chúng ta, nhất là qua các cử hành Phụng vụ.

Đàng khác, phải dùng mọi cách để bài giảng giáo lí trực tiếp nói về Phụng vụ hơn. Và trong chính các nghi lễ, nếu cần, linh mục hay thừa tác viên có khả năng, phải dự liệu để nói ít lời giáo huấn vắn tắt, nhưng chỉ nói vào những lúc thuận tiện nhất, bằng những lời đã ấn định hay những lời tương tự”. (*Hiến chế về Phụng vụ Thánh*, K. 35).

5- Ý nguyện Cộng đoàn: Đi vào chi tiết thực tiễn hơn nữa của chủ đề bài giảng, phần ý nguyện cộng đoàn nhấn mạnh tới những nhu cầu và đòi hỏi thực tế của cuộc sống để khi gặp những trắc trở và giằng co của cuộc sống làm sao tín hữu đủ sức can đảm hi sinh quên mình để sống Tin Mừng thực sự (*Hiến chế về Phụng vụ Thánh*, K. 53).

Ngoài ra, để ý hướng siêu nhiên của bài giảng thấm nhuần vào đời sống tín hữu, thỉnh thoảng chúng tôi đã thử một số lời *tâm nguyện* khoảng 2-3 phút để hướng dẫn tín hữu tâm sự với Chúa Kitô sau phút chịu lễ. Lời nguyện này phải rất tâm tình, sâu sắc, nhìn vấn đề dưới khía cạnh ân sủng và sức thu hút của tình thương Thiên Chúa (xem một thí dụ: DNT 25, tr. 613-614: *Chúa đã chiếm đoạt con*).

Những lời tâm nguyện kiểu đó rất khó thực hiện, nhưng nếu làm được sẽ đem lại rung động và những lợi ích rất lớn cho tín hữu. Chúng tôi đã thí nghiệm thành công liên tục trong các tuần tĩnh tâm, nhất là cho giới trẻ. Trong tương lai chúng tôi hi vọng sẽ cố gắng hiến bạn đọc một loạt bài tâm nguyện theo kiểu này. Hiện giờ, chúng tôi đã bắt đầu thực hiện gần như mỗi Chúa nhật. Về hình thức: Chủ tế, hoặc thường để mỗi người phái nam (hoặc nữ) nói giọng thật tâm tình và truyền cảm thông thả câu nguyện lớn tiếng để những người khác nghe và tâm sự với Chúa để dần dần lập được cách thức tâm sự với Chúa.

6- Lời nguyện Hiệp lễ: Trình bày phần Phụng vụ lời Chúa trong Thánh lễ theo chủ đề bài giảng như trên, chúng ta thấy còn lại 3 lời nguyện: Nhập lễ, Dâng lễ, và Hiệp lễ chưa đi vào chủ đề. Trong thực tế, chúng tôi vẫn còn tạm đọc lời nguyện đầu lễ và dâng lễ như trong Sách lễ. Còn

lời nguyện Hiệp lễ, chúng tôi thường tổng hợp thêm, hoặc đào sâu chủ đề trước khi ra về tín hữu đã hiểu sâu xa về một chủ đề trong Kinh Thánh, có thể sống chủ đề đó trong cuộc sống hằng ngày.

Thiết nghĩ, nếu mỗi Thánh lễ Chúa nhật đều cố chú tâm vào một chủ đề và phân tích dưới nhiều khía cạnh của các phần trong Thánh lễ, như vậy thì qua một thời gian tín hữu có thể có ý thức khá vững chắc và chi tiết về một chủ đề theo Kinh Thánh, về một khía cạnh cụ thể của đời sống nhìn dưới ánh sáng đức tin. Họ xác tín được lợi ích của Thánh lễ và sẽ thấy phấn khởi, cần thiết đi dự lễ trong một tinh thần tích cực để hiểu thêm lời Chúa, được thêm ân sủng, được kết hợp mật thiết với Chúa Kitô trong phần Phụng vụ Thánh Thể. Và sau những lần tham dự Thánh lễ, tín hữu được dồi dào hiểu biết và sức mạnh để lướt thắng mọi khó khăn, trắc trở trong việc thực hiện Lời Chúa.

Có như thế, trong 3 năm, hết một chu kỳ các bài đọc A,B,C, tín hữu đã hiểu khá nhiều về Cựu ước và Tân ước. Thêm một chu kỳ nữa, nếu lại chọn chủ đề giảng trong bài đọc 2, tín hữu sẽ hiểu thêm về Sách Công vụ Tông đồ và các Thánh Thư. Hoặc tiếp tục khai thác bài Tin Mừng dưới những khía cạnh khác.

Nhìn vấn đề như vậy, không những Thánh lễ rất quan trọng cho đời sống đức tin của tín hữu, mà còn là nguồn sống đích thực của tín hữu nếu Thánh lễ được hướng dẫn, giảng cẩn thận và đồng thời có ban thánh ca, ban nhạc phụ họa đúng lúc để hỗ trợ cho diễn tiến của Thánh lễ.

Trên đây, chúng tôi trích một phần của bài 30 in trong tập II với tựa đề: *Mùa chay- bàn về cách dẫn và giảng Lời Chúa*

trong Thánh lễ. Sau 29 bài, còn được gọi là 29 tập nhỏ, bài 30 như là một sự tổng kết, đúc rút đưa ra một diễn tiến Thánh lễ. Ở đó còn là lời bàn, lời chia sẻ được rút ra từ thực tiễn. Do bám sát Sách lễ, đặc biệt là thấu triệt những điều căn cốt của *Hiến chế về Phụng vụ Thánh* mà hầu hết các vấn đề *Đạo nhập thế* đưa ra cho đến nay nhìn lại vẫn còn giá trị thời sự.

Việc đất nước Việt Nam thống nhất, kéo theo sự thống nhất của Giáo hội Công giáo Việt Nam, đặc biệt với sự ra đời của Hội đồng Giám mục Việt Nam và theo đó là một số Ủy ban Giám mục chuyên biệt cho Phụng vụ Thánh thì hoạt động trên lĩnh vực này được thực hiện có quy củ và luôn được đẩy mạnh. Về mặt quan phương, Hội đồng Giám mục Việt Nam ngay từ đại hội đầu tiên (tháng 4/1980) đã xác định rõ đường hướng canh tân và thích nghi theo tinh thần của Công đồng Vatican II, trong đó có đường hướng canh tân và thích nghi trong việc thực hiện *Hiến chế về Phụng vụ Thánh*.

“11. Xây dựng trong Hội Thánh một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc.

Về nhiệm vụ thứ hai là xây dựng trong Hội Thánh một lối sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc. Chúng tôi muốn thực hiện điều mà Công đồng Vatican II đã tuyên bố: “Những gì tốt đẹp trong tâm hồn và tư tưởng của loài người hoặc trong lễ nghi và văn hóa riêng của các dân tộc, hoạt động của Hội Thánh không nhằm tiêu diệt, nhưng làm cho lành mạnh, nâng cao và kiện toàn, hầu làm vinh danh Thiên Chúa, mưu cầu hạnh phúc cho con người” (GH. 17,1). Muốn thế, một đảng chúng ta phải đào sâu Thánh Kinh và Thần học để nắm vững những điều cốt

yếu của đức tin, đảng khác, phải đào sâu nếp sống của từng dân tộc trong nước, để khám phá ra những giá trị riêng của mỗi dân tộc. Rồi từ đó, chúng ta vận dụng những cái hay trong một kho tàng văn hóa và xây dựng một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp hơn với truyền thống của mỗi dân tộc đang cùng chung sống trên quê hương và trong cộng đồng Hội thánh này”.

Từ sau *Thư chung 1980*, đường hướng canh tân và thích nghi tiếp tục được Hội đồng Giám mục Việt Nam thể hiện rõ hơn cụ thể hơn trong một số Thư chung mà Thư chung năm 1992 là một ví dụ.

Thư chung năm 1992, mục 9 với tiêu đề: *Xây dựng một nếp sống và một lối diễn tả đức tin có bản sắc dân tộc hơn*, viết: “Ngay từ đầu cha ông chúng ta đã biết vận dụng những cái hay trong kho tàng văn hóa dân tộc để diễn tả đức tin, diễn tả tương quan của mình với Thiên Chúa: Từ âm nhạc, nghệ thuật, kiến trúc, lễ nghi đến các tổ chức gia đình, làng xóm, xứ đạo. Ngày nay, sự giao lưu giữa các dân tộc đang làm cho các nền văn hóa ngày càng xích lại gần nhau và dễ dàng tiếp nhận nhau.

Đi tìm sắc thái văn hóa dân tộc không có nghĩa là đơn thuần lấy lại những cái cổ xưa, nhưng là làm sao cho tinh thần dân tộc được diễn tả trong lời kinh, tiếng hát, trong cử hành phụng vụ, trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong suy tư và ngôn ngữ thần học. Công việc này phải được thực hiện trong các dân tộc ít người nữa, sao cho mỗi dân tộc đều giữ được bản sắc của mình trong Hội Thánh”.

Canh tân và thích nghi trong Thánh lễ

Do tầm quan trọng của *Hiến chế về Phụng vụ Thánh*, đặc biệt do nhu cầu

thực tế của Công giáo ở Việt Nam đòi hỏi nên việc thực hiện *Hiến chế về Phụng vụ Thánh* của Giáo hội Công giáo Việt Nam đã và đang đạt được những kết quả quan trọng. Do khuôn khổ của bài viết, đồng thời do đây là một vấn đề lớn đòi hỏi phải có sự nghiên cứu “dài hơi” mới có thể thống kê, phân tích, đánh giá đầy đủ. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến một vấn đề: Canh tân và thích nghi trong Thánh lễ.

Có thể nói đi đầu trong hoạt động này là nhóm Thái Hòa (đã được chúng tôi đề cập ở phần trên). Nhóm biên soạn trình tự một Thánh lễ, soạn bài giảng, lời cầu nguyện cộng đoàn cho tất cả các lễ Chúa nhật và lễ Trọng trong năm.

Từ sau khi Hội đồng Giám mục Việt Nam thành lập với đường hướng hội nhập văn hóa, Thánh lễ vì vậy không chỉ được thực hiện theo tinh thần của Hiến chế về Phụng vụ Thánh mà tinh thần hội nhập văn hóa có điều kiện tốt hơn thấm nhập vào Thánh lễ. Điều này được thể hiện rõ rệt ở các xứ đạo vùng Đồng bằng Bắc Bộ qua những nghi thức đi kiệu, múa hát dâng hoa, nghi thức trong tuần Thánh, dịp lễ thánh quan thầy xứ, họ đạo thậm chí cả thánh quan thầy giáo phận. Những dịp đại lễ ở La Vang (Quảng Trị) hay gần đây là lễ khai mạc *Năm Thánh* là vấn đề hội nhập văn hóa được giáo quyền ủng hộ, được chuẩn bị công phu, hoành tráng với những tác dụng rất lớn.

Nhận xét về lễ Khai mạc Năm Thánh 2010, Tuần báo Công giáo và Dân tộc, số 1735 viết: “Các giáo phận đã dùng hình thức nghệ thuật dân gian đặc trưng của địa phương diễn tả đức tin Kitô giáo đã đi vào văn hóa dân ca: Nghệ Tĩnh, quan họ Bắc Ninh, chèo Thái Bình, các điệu ca, điệu múa dân tộc Hmông, Tày-

Nùng, v.v... tất cả như diễn tả niềm xác tín: Tin Mừng, qua các tín hữu Việt Nam, hoàn toàn có thể thấm vào văn hóa dân tộc”.

Từ sau Công đồng Vatican II, đặc biệt là sau Đại hội Hội đồng Giám mục Việt Nam (1980) các thánh lễ đã được tu chỉnh đơn giản, ngắn gọn. Ở nhiều xứ đạo nhất là những xứ đạo lớn đông giáo dân, xứ đạo thị tứ, thị trấn, thành phố mỗi Chủ nhật thường được chia ra nhiều buổi (hay Thánh lễ) theo giới hoặc lứa tuổi. Chẳng hạn như thánh lễ dành cho thiếu nhi, thánh lễ dành cho giới trẻ, thánh lễ dành cho giới ông, bà. Ở mỗi thánh lễ như vậy, chủ tế dọn bài giảng, lời nguyện cộng đoàn cho phù hợp. Có những Thánh lễ cho thiếu nhi, chủ tế còn dùng máy tính, trích dẫn những đoạn Kinh thánh thậm chí là cả hình ảnh chiếu trên màn hình tạo sự hứng thú đồng thời làm cho thiếu nhi nhận thức sâu sắc hơn về nội dung Thánh lễ. Với hình thức này, có vị chủ tế còn đi xuống tận lòng nhà thờ đặt câu hỏi để tín đồ là thiếu nhi trả lời.

Hầu hết các xứ đạo thay vì trước đây mỗi khi chủ tế truyền phép thì rung chuông chòm thì nay là chiêng và trống. Âm thanh chiêng trống dướm hồn dân tộc. Dưới bàn thờ Chúa ở nhà thờ xứ được đặt bát hương hay lư hương. Ở đó được đốt hương nén hay hương trầm tạo một không gian thiêng Việt tộc...

Những Thánh lễ như vậy không chỉ đơn thuần là việc vị chủ tế “rao giảng lời Chúa” mà sâu xa hơn đạt được “nội tâm hóa” tín đồ để tín đồ sống đạo “theo cung cách Việt Nam”

Linh mục Nguyễn Hồng Giáo trong bài viết: *Hai cách đánh giá Công đồng*

Vatican II và hiện tình giáo hội đã đánh giá về canh tân thánh lễ theo tinh thần của *Hiến chế về Phụng vụ Thánh* như sau: “Một trong những đổi mới rõ ràng, sâu rộng và tích cực nhất là việc áp dụng Hiến chế về Phụng vụ của Công đồng. Trước Công đồng, các nghi lễ của giáo hội thường rườm rà và hầu hết bằng tiếng Latinh. Người dân tham dự Thánh lễ (hay một nghi lễ khác), đúng là họ chỉ “xem lễ” (như thời ấy quen nói), họ không hiểu rõ những lời cầu nguyện và Kinh Thánh mà linh mục đọc, họ chỉ có vai trò thụ động là “nghe” (và thường là như vẹt nghe sấm); các lời đối đáp với vị chủ tế, cũng bằng Latinh đã có “chú giúp lễ” hoặc ca đoàn đọc thay. Thường linh mục cứ đọc lầm rầm một mình trên bàn thờ, còn giáo dân thì cầu kinh với nhau ở dưới lòng nhà thờ. Việc ai nấy làm! Họ thuộc rất nhiều kinh, nhưng lời Chúa trong Kinh Thánh, ít khi họ được nghe, được đọc - sách thánh bằng tiếng Việt thật là hiếm! Còn học hỏi thì chẳng bao giờ. Giáo hội Công giáo có một thời đã cấm giáo dân đọc Kinh Thánh, về sau không cấm nữa, nhưng không hề khuyến khích. Bây giờ thì đã khác lắm rồi!”⁽⁶⁾.

3. PHỤNG VỤ THÁNH, NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN DANG DỎ VỚI VATICAN VÀ VỚI CÔNG GIÁO VIỆT NAM

Nếu *Hiến chế về Phụng vụ Thánh* được xem là một cuộc cách mạng trong phụng vụ thì cuộc cách mạng này ngay từ đầu đã không được thực hiện triệt để. Đó trước hết là việc Lefèbre và sau này là Huynh đoàn Pio X chống lại việc bãi bỏ nghi lễ phụng vụ Latinh. Rồi, vào cuối triều đại của Giáo hoàng Gioan Phaolô II, một huấn thị của Bộ Phụng tự ban hành - Huấn thị *Redemptionis Sacramentum* (Bí tích ơn cứu chuộc) công

bố ngày 25/3/2004, tiếp sau Thông điệp *Ecclesia de Eucharista* của Giáo hoàng Gioan Phaolô II. Ngay sau khi Huấn thị ra đời đã có những ý kiến trái ngược nhau về huấn thị này. Linh mục Thiện Cẩm trong bài: *Từ hiến chế Sacrosanctum Concilium của Vatican II cho đến huấn thị Redemptionis Sacramentum của Bộ Phụng Tự* cho đây là “một huấn thị đi ngược với Vatican II”, thậm chí tác giả còn đi đến kết luận: “Huấn thị *Redemptionis Sacramentum* có thể bị coi là “vi hiến” nếu đối chiếu với hiến chế *Sacrosanctum Concilium* của Công đồng Vatican II”.

Sở dĩ như vậy vì: “Huấn thị không đưa ra bất cứ một suy tư mới nào liên quan đến Bí tích Thánh thể, hay đề nghị đổi mới nào liên quan đến việc cử hành Thánh thể mà chủ yếu chỉ là nhắc lại và nhấn mạnh thêm đến những kỉ luật vốn có từ trước liên quan đến vấn đề này, trong đó là chỉ viết lại những gì mà người ta đã được biết cả trước Công đồng Vatican II”. Và huấn thị này đã “gây cản trở cho việc hội nhập văn hóa rất cần thiết cho mọi thời, chứ không chỉ cho thời đại hôm nay mà thôi”

Sau khi chỉ ra việc “chẳng học được điều gì mới mẻ, trái lại càng đọc càng thất vọng”, tác giả bài viết đi đến kết luận: “phụng vụ đúng với ý nghĩa cao cả của nó, không phải chỉ là những hình thức, những nghi lễ bề ngoài, mà chủ yếu là diễn tả niềm tin và lòng yêu mến của con người đối với Thiên Chúa Ba Ngôi. Bởi vì thờ phụng, đối với chúng ta chẳng có ý nghĩa nào khác mà chính là một nụ hôn (*adorare* = *ad-os*, môi kề

6. Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 14, tháng 2-1996, tr. 38-39.

môi), nghĩa là cử chỉ và tấm lòng yêu mến tốt đỉnh. Muốn được như vậy, trước hết những cử chỉ và lời nói của chúng ta phải có đủ tính nhân bản, nghĩa là chân thực, chứ không máy móc giả tạo hay theo thói quen⁽⁷⁾.

Đến triều đại Giáo hoàng Benedicto XVI, thậm chí là trước đó, khi còn là hồng y, vấn đề Phụng vụ Thánh đã bị lật lại, để rồi khi làm giáo hoàng “việc canh tân của canh tân” càng có điều kiện: “Nhiều năm trước đây, khi còn là Hồng y Ratzinger, Đức Thánh cha vốn được nhận diện là một trong những người cổ vũ hăng say nhất việc “canh tân của canh tân”. Ngài hay viết về phụng vụ và luôn nhấn mạnh đến nhu cầu phải phục hưng cảm thức về thánh thiêng. Khi được bầu làm Giáo hoàng, những người thuộc một khuynh hướng phụng vụ với Ngài vốn mong đợi sẽ có những đổi thay quan trọng về phụng vụ. Từ ngày đó đến nay, các thay đổi như thế rất ít. Nhưng Đức Thánh cha Benedicto XVI hành động một cách hết sức có tính toán, và không có lí do gì để tin là ngài hết quan tâm tới việc canh tân phụng vụ. Trái lại, khi Ngài cho công bố Tông thư *Summorum Pontificum*, cho phép sử dụng rộng rãi nền phụng vụ Latinh cổ truyền, Ngài đã cho hay việc sử dụng rộng rãi hình thức cử hành ngoại thường này chắc chắn sẽ sản sinh ra một phong trào hướng tới cuộc canh tân mà nhiều người đang mong chờ”. Cũng vị Giáo hoàng “canh tân của canh tân” Phụng vụ Thánh, năm 2009 đã bất ngờ bỏ vạ tuyệt thông cho các giám mục của Huynh đoàn Piô X, một huynh đoàn chống lại việc bãi bỏ nền Phụng vụ Latinh cổ truyền ngay từ *Hiến chế về Phụng vụ Thánh* ra đời⁽⁸⁾.

Tuần báo *Công giáo và Dân tộc* số 1748, tuần lễ từ 12/3 đến 18/3/2010 cho

biết: Giám mục Guido Marini, người phụ trách nghi lễ của Giáo hoàng Benedicto XVI, cho biết, Giáo hoàng hi vọng dẫn đến “một cải tổ của cải tổ”, gợi ý chứ không ra lệnh cho những thay đổi về phụng vụ như cho giáo dân quỳ rước lễ bằng lưỡi, đặt Thánh giá ở vị trí trung tâm bàn thờ và cử hành thánh lễ hướng về bàn thờ. Vị giám mục phụ trách nghi lễ của Giáo hoàng còn cho biết: “Mục tiêu của Đức Thánh cha là hai hình thức nghi lễ Roma nhìn nhau dưới sự bình đẳng lớn lao, ý thức rằng cả hai đều thuộc về đời sống giáo hội, và rằng không có cái nào duy nhất diễn đạt đúng đắn đích thực, nhưng đúng hơn là cả hai hình thức của nghi lễ Roma có thể làm cho nhau phong phú hơn”.

Còn với Công giáo ở Việt Nam thì sao?

“Vẫn có một thiểu số (hi vọng chỉ là số rất nhỏ) cứ khư khư coi cải cách phụng vụ như thế là phá đạo, theo ma quỷ xúi giục, ít nhất cũng là chạy theo Tin Lành. Một tài liệu của nhóm này dành nhiều mục đả kích phụng vụ mới, kể cả chủ trương dùng ngôn ngữ địa phương thay thế cho cổ ngữ Latinh. Một tài liệu khác dành nhiều trang kể lại những “Thị kiến” hoặc “Mặc khải” của Chúa dạy phải chấm dứt việc cho rước lễ trên tay và phục hồi việc cho rước lễ trên lưỡi. Nếu bạn thắc mắc: “Dù sao Tòa Thánh cũng cho phép chung rồi” thì tài liệu ấy trưng Lời Chúa nói với “một linh hồn đặc tuyển” như sau: “Sự phạm Thánh này đã xảy ra (...) ngoài ý muốn của Đức Thánh Cha Phaolô VI. Con đáng thương của ta bị cầm tù bởi những hành động bẻ cánh

7. Xem bài viết trên Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc* số 114, tháng 6-2004.

8. Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 181, tháng 1-2010, tr. 70.

Satan chiếm quyền hành ở Tòa Thánh, làm nơi sào huyệt cho nó. Bởi vậy, Đấng Đại diện của Ta là nạn nhân của chúng nó⁽⁹⁾.

Linh mục Nguyễn Hồng Giáo viết bài này vào năm 1996, vì vậy mà rất có thể nhóm thiểu số mà linh mục gọi là khư khư coi cái cách phụng vụ như thế là phá đạo... sẽ rất vui mừng khi đón nhận “Canh tân cuộc canh tân” trong Phụng vụ Thánh của Giáo hoàng Benedicto XVI.

Hiến chế về Phụng vụ Thánh của Công đồng Vatican II đem lại cho Phụng vụ Thánh của Công giáo ở Việt Nam sinh khí mới, bộ mặt mới. Nhưng lắm lúc, việc hội nhập hay canh tân đã có những bước đi quá đà. Chẳng hạn, Giáo hội cổ vũ lòng đạo đức bình dân đã dẫn đến cứ khoảng một thời gian lại thấy tin đồn ở xứ đạo này hay xứ đạo khác *Đức Mẹ hiện ra*, rồi cả *Đức Mẹ khóc*, lời cuốn hàng nghìn tín đồ bỏ làm ăn, lặn lội đường sá đến chiêm ngắm, cầu nguyện. Thậm chí còn có cả *Đức Mẹ Hà Môn* ở Giáo phận Kon Tum.

Không ít Thánh lễ chưa thật ngắn gọn, bởi vì “trong nhà thờ có 36 thứ cha: Cha giảng dài, cha giảng dai, cha giảng dở, cha giảng lung tung, chửi mắng giáo dân, phê bình Nhà nước, hô hào giáo dân đóng tiền sửa sang, xây dựng nhà thờ, nhà xứ, xây đài Đức Mẹ”⁽¹⁰⁾.

Để tránh việc giáo dân phải ngồi nghe một thánh lễ có vị chủ tế giảng dài, giảng dai, giảng dở... có ý kiến đề xuất nên treo đồng hồ trong nhà thờ. Khi Tuần báo *Công giáo và Dân tộc* số 1749 đề cập đến vấn đề giảng lễ Chúa nhật, theo Giám mục Thư kí Thượng Hội đồng Giám mục thì chỉ nên không quá 8 phút đã gây sự tranh luận trong tín đồ và linh mục. Chuyên mục: Góc nhỏ nhà đạo trong bài “*Chuyện bài giảng*” của Người Lữ hành Emmaus, đề cập đến vấn đề này, rồi đi đến kết luận: “Vấn đề bài giảng hẳn là điều mà người giáo dân quan tâm và mong muốn được đón nhận như những món ăn ngon và vừa đủ để nuôi dưỡng đời sống tâm linh”⁽¹¹⁾.

Bốn mươi nhăm năm đã trôi qua từ sau khi Công đồng Vatican II kết thúc. Những cốt lõi mà *Hiến chế về Phụng vụ Thánh* đưa ra là không thể đảo ngược. Song con đường Phụng vụ của Giáo hội Công giáo Roma đã và đang chia làm nhiều ngã cũng có nghĩa là sẽ có nhiều điểm đến ./.

9. Linh mục Nguyễn Hồng Giáo. *Hai cách đánh giá Công đồng Vatican II và hiện tình giáo hội*. Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 11, tháng 2-1996.

10. Xem bài viết của Linh mục Thiện Cẩm trên Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc* số 156.

11. Tuần báo *Công giáo và Dân tộc* số 1750.